

Bản án số: 165/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11/06/2026
V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Cao Duy Phục;
- Ông Trịnh Huy Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Nghiêm – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 06 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2026 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1001/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1004/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vi Thị Ng, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, tỉnh Thanh Hoá; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn L, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, tỉnh Thanh Hoá; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/03/2026, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vi Thị Ng trình bày:

Chị và anh Bùi Văn L tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Nghệ An (nay là UBND xã M, tỉnh Nghệ An), vào ngày 17/01/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 19 năm. Đến tháng 04/2024 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cãi vã và anh L có hành vi bạo lực. Vợ chồng đã sống ly thân được

gần 02 năm. Nay nhận thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể chung sống được với nhau nên chị làm đơn đề nghị ly hôn với anh Bùi Văn L.

Về con chung: Vợ chồng chị và anh L có 02 con chung là cháu Bùi Thanh N, sinh ngày 20/10/2006 và cháu Bùi Thị Ngọc D, sinh ngày 27/9/2011. Hiện nay, cháu Thanh N đã đủ tuổi thành niên đang đi làm ở Bắc Ninh chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Văn L: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; 02 lần Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho ông Bùi Văn I là bố đẻ của anh L nhận thay và cam kết đã giao lại văn bản và đã thông tin cho anh L biết được việc Tòa án triệu tập anh đến làm việc, nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do, không trình bày ý kiến hay giao nộp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Thanh Hóa ngày 08/5/2026 thể hiện: Chị Vi Thị Ng, sinh năm 1982 và anh Bùi Văn L, sinh năm 1982 là vợ chồng, có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa. Chị Ng và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Nghệ An, ngày 17/01/2005 (nay là UBND xã M, tỉnh Nghệ An). Về mâu thuẫn vợ chồng chị Ng và anh L không đề nghị hòa giải ở cơ sở nên chính quyền địa phương không nắm được. Về con chung: Vợ chồng chị Ng và anh L có 02 con chung là cháu Bùi Thanh N, sinh ngày 20/10/2006 và cháu Bùi Thị Ngọc D, sinh ngày 27/9/2011.

Tại Biên bản xác minh ngày 08/5/2026, ông Bùi Văn I (bố đẻ anh L) cung cấp thông tin: Ông là bố đẻ của anh L, chị Ng là con dâu của ông. Sau khi anh chị kết hôn có chung sống cùng với ông bà được một thời gian thì ra ở riêng. Do anh L thường xuyên chơi bời, chị Ng khuyên nhủ nhiều lần nhưng không được nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Hiện nay, anh L đang đi làm ăn, nhưng có thường xuyên về nhà.

Ông đã được nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án về việc Triệu tập anh L đến làm việc tại Tòa án và thông tin lại cho anh L biết, anh L có trao đổi lại với ông không đến Tòa án làm việc được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị xử cho chị Ng được ly hôn anh L. Về con chung: Có 02 con chung, cháu Bùi Thanh N đã thành niên, chị Ng không yêu cầu nên không xem xét. Giao cháu Bùi Thị Ngọc D, sinh ngày 27/9/2011 cho chị Ngh trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi thành niên, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Buộc chị N phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Bị đơn anh Bùi Văn L có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá quy định tại điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ nhiều lần và tổng đạt các Quyết định, văn bản tố tụng cho bị đơn đảm bảo quy định tại Điều 171; Điều 177 Bộ Luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt. Nguyên đơn chị Vi Thị Ng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Ngh, anh L

[4]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị Vi Thị Ngh và anh Bùi Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống giữa chị Ngh và anh L phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân nhau từ năm 2024 đến nay. Anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, đảm bảo quy định của pháp luật, nhưng không đến Tòa án làm việc. Việc anh L không đến Tòa án làm việc, không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ theo quy định tại điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được giải quyết ly hôn. Căn cứ vào lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ đương sự giao nộp và các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được. Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ vợ chồng giữa chị Ngh và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu

thuần kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Ngh được ly hôn anh L.

[5]. Về con chung: Chị Ngh và anh L có 02 con chung là cháu Bùi Thanh N, sinh ngày 20/10/2006 và cháu Bùi Thị Ngọc D, sinh ngày 27/9/2011. Cháu N đã thành niên, chị Ngh không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Cháu D hiện đang ở cùng với chị Ngh và chị Ngh cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Anh L không có mặt tại Tòa, không trình bày ý kiến hay nguyện vọng gì về việc nuôi con chung. Do đó, nên giao cháu Bùi Thị Ngọc D cho chị Ngh trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6]. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Ngh phải chịu án phí DSST theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Vi Thị Ngh được ly hôn anh Bùi Văn L.

2. Về con chung: Chị Ngh và anh L có 02 con chung là cháu Bùi Thanh N, sinh ngày 20/10/2006 và cháu Bùi Thị Ngọc D, sinh ngày 27/9/2011. Cháu Bùi Thanh N đã thành niên, chị Ngh không yêu cầu nên không xem xét. Giao cháu Bùi Thị Ngọc D, sinh ngày 27/9/2011 cho chị Ngh trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị Ngh và anh L không yêu cầu, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Vi Thị Ngh phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001765, ngày 10/3/2026, tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 12- Thanh Hoá. Chị Ngh đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vi Thị Ngh và anh Bùi Văn L có quyền

kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 12 – Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục dân sự tỉnh Thanh Hoá;
- UBND xã Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Dung